

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 28/4/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Bà Phạm Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang:**  
*không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

**- Bị đơn:** Bà **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Thanh H** (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ông **Lê Văn T** trình bày: Do trước đây giữa ông và bà **Lê Thị**

Tuyệt M có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 14/3/2015 ông có cho bà M vay số tiền gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Thời hạn vay là 1 năm, ông nghe bà M nói vay số tiền này là để đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên, kể từ ngày vay cho đến nay bà M không đóng lãi, cũng không trả nợ gốc cho ông được khoản tiền nào, ông đã nhiều lần đến gặp bà M để đòi nợ nhưng bà M cứ hứa trả nợ mà không thực hiện. Khi vay thì các bên có làm Biên nhận nợ ngày 14/3/2015. Nội dung biên nhận ngày 14/3/2015 là do ông viết và bà M tự viết và ký tên Lê Thị Tuyệt M rồi giao cho ông giữ. Ông cam kết trước pháp chữ viết và chữ ký mang tên Lê Thị Tuyệt M là của bà M.

Trước đây tại đơn khởi kiện ông có yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật nhưng nay ông không yêu cầu Tòa án tính lãi. Ông chỉ yêu cầu bà M có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc 120.000.000 đồng. Ông không yêu cầu chồng bà Mai là ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà M trả nợ.

Tại phiên tòa ông yêu cầu bà Lê Thị Tuyệt M trả cho ông số nợ gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi. Ông không yêu cầu chồng bà Mai là ông Nguyễn Thanh H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Mai trả nợ vì việc vay mượn và giao tiền là thỏa thuận giữa ông với bà M, không liên quan gì ông H, ông H không biết và không có nhận số tiền này. Ngoài ra, ông không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

**Bị đơn bà Lê Thị Tuyệt M:** Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho bà M tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng bà M đều không có mặt và không có lời trình bày.

**Tại bản từ khai ngày 15/12/2020 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày:** Việc bà Lê Thị Tuyệt M thỏa thuận vay ông Lê Văn T số tiền 120.000.000 đồng vào thời gian nào, sử dụng vào mục đích gì thì ông không biết. Ông không có cùng bà M vay mượn số tiền này của ông T và cũng không nhận số tiền này của ông T, nên ông không liên quan đến số nợ 120.000.000 đồng. Do đó, nếu bà M có vay tiền của ông T 120.000.000 đồng thì bà M có trách nhiệm trả cho ông T, không liên quan gì đến ông. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì trình bày thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Tuyệt M trả số tiền nợ 120.000.000 đồng mà bà M đã vay của ông T

nhưng chưa thanh toán. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ông Lê Văn T khởi kiện bà Lê Thị Tuyết M có nơi cư trú tại ấp Ấp B, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị Tuyết M, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía ông Trường đồng ý xét xử vắng mặt bà M, ông H. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hùng, bà Mai.

[4] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy, theo ông T trình bày vào ngày 14/3/2015 ông có cho bà M vay số tiền gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) với mức lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Thời hạn vay là 1 năm. Tuy nhiên, kể từ ngày vay cho đến nay bà M không đóng lãi, cũng không trả nợ gốc cho ông được khoản tiền nào, mặc dù ông đã nhiều lần đến gặp bà M để đòi nợ nhưng bà M không thực hiện. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án buộc bà M phải trả cho ông số nợ vay gốc là 120.000.000 đồng. Về phía bị đơn bà Lê Thị Tuyết M, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham gia phiên tòa nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ gốc ngày 14/3/2015 và cam kết do bà Mai ký xác nhận với nội dung “ *Tôi tên Lê Thị Tuyết M.....số tiền tôi còn nợ lại anh T là 120.000.000 đồng...thời hạn một năm tôi hoàn trả lại số nợ nói trên...*”. Ông T cho rằng khi vay, giữa các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 5%/tháng. Tuy nhiên, lời khai này của ông T không có ý kiến thừa nhận của phía bà M. Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 14/3/2015 không thể hiện nội dung về lãi suất nên xác định đây là Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi suất theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa ông T xác định khi đến hạn trả nợ ông đã nhiều lần thông báo cho bà M trả nợ nhưng bà M không thực hiện

là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu bà M phải trả số tiền nợ vay gốc 120.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về việc không tiếp tục yêu cầu Tòa án tính lãi đối với số tiền nợ 120.000.000 đồng theo quy định pháp luật mà chỉ yêu cầu bà M trả nợ gốc. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi một phần khởi kiện của phía nguyên đơn, không xem xét về phần lãi suất.

Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Buộc bà Lê Thị Tuyết M trả cho ông Lê Văn T số tiền nợ là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Tuyết Mai phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho ông Trường là  $120.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.000.000 \text{ đồng}$  (Sáu triệu đồng chẵn).

Hoàn trả cho ông Lê Văn Tg số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) theo biên lai thu số 0008136 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Trường.**

- Buộc bà Lê Thị Tuyết Mai có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn Trường số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

**2. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

- Buộc bà Lê Thị Tuyết Mai phải chịu án phí sơ thẩm là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn).

Hoàn trả cho ông Lê Văn Trường số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) theo biên lai thu số 0008136 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Quyền kháng cáo:** Ông Lê Văn Trường có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Tuyết Mai và ông Nguyễn Thanh Hùng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

